VIỆN TRỢ NƯỚC NGOÀI CHO LĨNH VỰC Y TẾ Ở CÁC TỈNH YÊN BÁI, THANH HÓA VÀ PHÚ YÊN GIAI ĐOẠN 2007 - 2010

PHẠM THỊ CHÍNH, NGUYỄN MẠNH CƯỜNG,
Vụ Hợp tác quốc tế, BYT,
NGUYỄN ĐĂNG VỮNG - ***Trường Đại học Y Hà Nội***

TÓM TẮT

Trong giai đoạn 2007 – 2010, tại các tỉnh Yên Bái, Thánh Hóa và Phú Yên có 31 dự án y tế do nước ngoài tài trợ đang được triển khai thực hiện. 07 lĩnh vực chính được tài trợ gồm: Hỗ trợ hệ thống y tế, Phòng chống HIV/AIDS, Sức khỏe bà mẹ trẻ em, Phòng, chống bệnh về mắt, Y tế dự phòng, Hỗ trợ cơ sở hạ tầng y tế và Khám, chữa bệnh. Hỗ trợ tài chính thông qua các dự án viện trợ nước ngoài (VTNN) trong giai đoạn này ước tính 316 508,2 triệu đồng, chiếm một phần đáng kể trong tổng chi cho y tế tại địa phương. Hoạt động của các dự án bao gồm cả hỗ trợ kinh phí, thiết bị y tế, đào tạo cán bộ, giáo dục truyền thông phòng bệnh.

Từ khóa: *Viện trợ nước ngoài cho y tế (VTNN), các tổ chức Phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN/INGO), hỗ trợ phát triển chính thức ODA*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thông qua hợp tác song phương với các nước, ngành y tế nhận được các ODA ở nhiều lĩnh vực như xây dựng cơ sở hạ tầng y tế, đào tạo cán bộ, phòng chống bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm, cải thiện chất lượng dịch vụ y tế… Bên cạnh đó, còn có hơn 600 INGOs hoạt động tại Việt Nam với tổng kinh phí tài trợ hơn 200 triệu USD/năm, trong đó có hơn 50% các INGO hỗ trợ lĩnh vực y tế.

Chính phủ đã có những chính sách thu hút hỗ trợ nước ngoài như Nghị định số 131/2006/NĐ-CP về Quản lý và sử dụng ODA, Nghị định số 93/2009/NĐ-CP về Quản lý và Sử dụng viện trợ PCPNN; Quyết định số 286/2006/QĐ-TTg ban hành Chương trình Quốc gia xúc tiến vận động viện trợ PCPNN giai đoạn 2006 – 2010…

Viện trợ nước ngoài dành cho y tế địa phương được quản lý thông qua nhiều kênh như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Uỷ ban Công tác về các tổ chức PCPNN, Bộ Y tế và đầu tư trực tiếp tại địa phương. Vụ Hợp tác quốc tế là cơ quan tổng hợp của Bộ Y tế có nhiệm vụ kêu gọi và vận động viện trợ, đầu tư nước ngoài, nên việc có đầy đủ thông tin về VTNN cho y tế địa phương rất cần thiết. Bộ Y tế (Chương trình hợp tác y tế Việt Nam – Thụy Điển) đã thực hiện *Thống kê các chương trình/dự án triển khai trong ngành y tế giai đoạn 2001 – 2005.* Tuy nhiên, báo cáo về VTNN từ y tế từ các địa phương đến Bộ Y tế vẫn chưa được định kỳ và đầy đủ.

Yên Bái, Thanh Hóa và Phú Yên là 03 tỉnh được Bộ Y tế lựa chọn tiếp nhận dự án Hỗ trợ kỹ thuật hệ thống y tế tuyến tỉnh do Cơ quan hợp tác kỹ thuật Đức (GiZ) tài trợ. Nhân dịp này, Vụ Hợp tác quốc tế thực hiện đề tài nghiên cứu cấp cơ sở về tình hình VTNN tại 03 tỉnh giai đoạn 2007 – 2010.

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu:- Các tài liệu về VTNN trong lĩnh vực y tế. Các cán bộ quản lý nhà nước về VTNN cho y tế tại các tỉnh

Phương pháp nghiên cứu: - Thu thập, nghiên cứu các văn bản quản lý nhà nước, các báo cáo, số liệu về VTNN tại các đơn vị thuộc Bộ Y tế, các Sở Y tế, Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN. Lập mẫu thu thập thông tin về các dự án VTNN giai đoạn 2007 – 2010, nghiên cứu các báo định kỳ của các dự án.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tình hình VTNN về y tế tại 03 tỉnh được tổng hợp theo lĩnh vực tài trợ, nhà tài trợ, địa bàn tài trợ và kinh phí đầu tư.

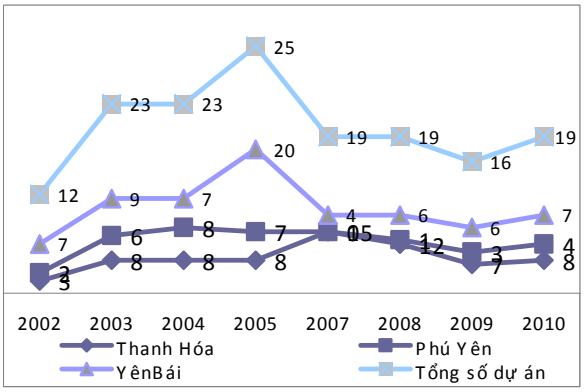

Biểu đồ 1. Xu hướng viện trợ nước ngoài theo dự án tại 03 tỉnh (có tham khảo số liệu thống kê của Chương trình HTYT Việt Nam – Thụy điển BYT)

Trong giai đoạn 2007 – 2010, có tất cả 31 dự án VTNN về y tế tại 03 tỉnh. Số dự án có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2002 - 2010 (tăng 42%). So với năm 2002, đến 2005, số các dự án gấp đôi (25 dự án) sau đó giảm xuống ở mức 16 – 19 dự án, trong đó có 03 dự án lớn do Bộ Y tế quản lý, thực hiện ở 2 hoặc cả 3 tỉnh, đó là - Dự án Hỗ trợ kỹ thuật hệ thống y tế tuyến tỉnh, Dự án Phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam và Dự án Hỗ trợ phát triển hệ thống y tế dự phòng

Các dự án VTNN giai đoạn 2007 – 2010 thu hút được 316 508,1 triệu đồng, xấp xỉ bằng tổng chi ngân sách cho y tế địa phương năm 2007 ở Yên Bái, tương đương 34% tổng số chi ngân sách địa phương năm 2007 ở các tỉnh Thanh Hóa và Phú Yên.

Bảng 1. Tương quan giữa ngân sách y tế địa phương và viện trợ nước ngoài

TT	Tỉnh	Ước tính tổng số chi ngân sách y tế địa phương (*) (đơn vị triệu VND)				VTNN cho lĩnh vực y tế 2007 - 2010
		2007	2008	2009	2010	
	Yên Bái	129 123	134 358	160 424	Chưa có số liệu	125 857,4
	Thanh Hóa	463 886	513 303	584 710		156 404,3
	Phú Yên	101 398	96 253	122 626		34 246,4
						316 508,1

(*) Niên giám Thống kê Y tế - Bộ Y tế

Các nhà tài trợ gồm các tổ chức Liên Hiệp quốc (Tổ chức Y tế Thế giới), tổ chức đa quốc gia (Quỹ Toàn cầu), các cơ quan chuyên môn kỹ thuật (Cơ quan Dự phòng và Kiểm soát dịch bệnh Hoa Kỳ- CDC, GiZ), các cơ quan hỗ trợ phát triển (DFID- Anh, NORAD-Na Uy), các ngân hàng (WB, ADB, KfW), và các tổ chức Phi Chính phủ (Orbis, Alive and Thrive, Fred Hollows Foundation….)

Bảng 2. Các dự án VTNN theo nhóm các nhà tài trợ

Các nhóm tài trợ	Các cơ quan tài trợ	Kinh phí (triệu VND)	Kinh phí theo nhóm	Tỷ lệ góp vốn	Số dự án	Tỷ lệ dự án
Các tổ chức tài chính	WB (Thanh Hóa, Yên Bái)	29791,2	130607,2	41,3%	5	16,1%
	ADB (Thanh Hóa, Yên Bái)	9316,0				
	KfW	91500,0				
Các tổ chức chuyên môn	Quỹ Toàn cầu (2 dự án)	12805,0	13038,0	4,1%	3	9,7%
	WHO	233,0				
Hỗ trợ phát triển chính thức của các nước	DFID- NORAD-WB	7382,0	108331,0	34,2%	6	19,4%
	GiZ (Thanh Hóa, Phú Yên, Yên Bái)	50935,0				
	Phần Lan	45000,0				
	LIFEGAP	5014,0				
Các tổ chức phi Chính phủ	Hoa Kỳ: Orbis, The Marie Stopes Int'l, Alive and Thrive, Tầm nhìn Thế giới	18322,5	64532,0	20,4%	17	54,8%
	Hà Lan: UB Y tế Việt Nam – Hà Lan (MCNV)	2575,2				
	Đức: Christofel Blindel Mission (CBM)	771,0				
	Úc: Fred Hollows Foundation (FHF), MBI và FHI	14362,5				
	Tây Ban Nha: Codespa, Anesvad	23134,5				
	Save The Children	3622,3				
	MSA/LVC	1744,0				
Tổng		316508.2	316508.2	100%	31	100%

Các nhà tài trợ có thể tài trợ độc lập hoặc cùng liên kết trong 01 dự án như DFID – NORAD – WB trong dự án Phòng, chống lây nhiễm HIV ở Việt Nam tại Thanh Hóa. Theo Chương trình HTYT Việt Nam – Thụy Điển, trong thập kỷ 2001 – 2010, ADB và Hoa Kỳ liên tục tài trợ ở khu vực miền núi phía Bắc trong đó có tỉnh Yên Bái; ADB, WB, Hoa Kỳ và Đức tài trợ cho khu vực Bắc miền Trung trong đó có Thanh Hóa. Phú Yên là địa bàn quen thuộc của–MCNV ở Nam miền Trung. Các dự án do các ngân hàng tài trợ và dự án ODA không nhiều, 5 -6 dự án nhưng là các dự án lớn, góp 41% và 34% tổng kinh phí cam kết toàn giai đoạn. Các dự án PCPNN tài trợ tuy nhiều, 17 dự án, nhưng tỷ lệ góp vốn chỉ đạt 20,4%.

Các lĩnh vực và nội dung hoạt động chính: 07 lĩnh vực tài trợ chính là Hỗ trợ hệ thống y tế, Phòng chống HIV/AIDS, Sức khỏe bà mẹ trẻ em, Phòng, chống bệnh về mắt, Y tế dự phòng, cơ sở hạ tầng y tế và Khám, chữa bệnh. Các dự án hỗ trợ hệ thống y tế thường bao gồm cả tăng cường chất lượng dịch vụ y tế (thuộc lĩnh vực Khám, chữa bệnh) và cung cấp trang thiết bị y tế (thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế). Cũng có dự án hỗ trợ hệ thống y tế quy mô nhỏ, tại cộng đồng như dự án Hỗ trợ hội y tế thôn bản của MCNV. Lĩnh vực cơ sở hạ tầng y tế: mua sắm trang thiết bị, xây dựng bệnh viện chiếm lượng vốn đầu tư lớn nhất (46,5%) tuy chỉ có 03 dự án. Các lĩnh vực chăm sóc bà mẹ trẻ em và phòng, chống HIV/AIDS, có 5 – 7 dự án nhưng tỷ lệ vốn tương ứng chỉ là 4,5% và 15,5%.

Bảng 3. Viện trợ nước ngoài theo lĩnh vực (*) đơn vị triệu VN đồng

TT	Lĩnh vực	Số dự án	Số vốn cam kết (*)	Tỷ lệ vốn cam kết
1	Hỗ trợ cơ sở hạ tầng y tế (3 tỉnh)	3	146895,0	46,5%
2	Hỗ trợ hệ thống y tế	3	52600,3	16,7%
3	Phòng, chống HIV/AIDS (2 tỉnh)	5	49065,2	15,5%
4	Phòng, chống bệnh về mắt	4	14320,6	4,5%
5	Hỗ trợ Y tế Dự phòng (2 tỉnh)	3	17024,5	5,4%
6	SKBMTE	7	14633,9	4,5%
7	Khám, chữa bệnh	2	21968,7	6,9%
	Tổng	27	316508,2	100%

Các nội dung hoạt động chính là tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, đào tạo cán bộ, hỗ trợ cơ sở hạ tầng y tế và cung cấp trang thiết bị, hỗ trợ chuyên môn y tế và cung cấp các dịch vụ y tế, kể cả ở các dự án có quy

mô liên tỉnh và các dự án phi chính phủ quy mô nhỏ. 18/31 dự án có hoạt động đào tạo cán bộ chiếm 66,6% các dự án, 13/31 dự án hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật, cung cấp dịch vụ y tế (48,1%), 12/31 dự án có tuyên truyền, giáo dục sức khỏe (44,4%), 12/31 dự án hỗ trợ cơ sở hạ tầng y tế, cung cấp trang thiết bị và phát triển cơ sở hạ tầng (44,4%). Việc chú trọng đào tạo cán bộ và hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật cho thấy các dự án VTNN giai đoạn này mang tính hỗ trợ chuyển giao kiến thức và kỹ năng, không còn là hỗ trợ vật chất đơn thuần dành cho các nước nghèo. công tác dự phòng được quan tâm, các hoạt động tuyên truyền, giáo dục sức khỏe có ở 40- 50% các dự án.

BÀN LUẬN

Các dự án VTNN về y tế ở các tỉnh góp phần đáng kể phát triển y tế địa phương. Các lĩnh vực tài trợ phù hợp với các ưu tiên vận động VTNN của Chính phủ. Các dự án lớn thường do Bộ Y tế phân bổ, chiếm khoảng 80% kinh phí cam kết. Các dự án PCPNN thường được đầu tư trực tiếp tại địa phương, số lượng tuy nhiều nhưng quy mô nhỏ, chiếm 20% tổng số vốn. Nhóm các nhà tài trợ ở địa phương bao gồm các Ngân hàng, các cơ quan hợp tác phát triển các nước, các cơ quan chuyên môn quốc tế, các tổ chức PCPNN. Các Ngân hàng WB, ADB, và các nước Hoa Kỳ, Hà Lan, Anh, Đức là các nhà tài trợ lớn. Nội dung hỗ trợ chuyển giao kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn, đào tạo cán bộ, tuyên truyền bảo vệ sức khỏe được chú trọng, song song phát triển hạ tầng y tế.

Thông tin về dự án, các báo cáo dự án, kiến nghị, đề xuất là các số liệu chính thức do các Sở Y tế cung cấp. Kinh phí dành cho các dự án và toàn giai đoạn được ước lượng thông qua tổng kinh phí cam kết của dự án, kinh phí cam kết từng năm và số năm thực hiện dự án trong toàn giai đoạn con số này chỉ có giá trị ước lượng, so sánh, không cho biết tình hình giải ngân. Các địa phương cần tăng cường sử dụng hiệu quả VTNN cho y tế, tích cực thu hút VTNN tại địa phương vì khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình, nhà tài trợ sẽ chuyển hướng ưu tiên sang các quốc gia nghèo hơn.

$$\text{Kinh phí g/đoạn 2007 – 2010} = \frac{\text{Kinh phí cam kết cho toàn dự án}}{\text{Năm thực hiện dự án}} \times \text{số năm dự án g/đ 2007 – 2010}$$

KẾT LUẬN

VTNN đóng góp một phần đáng kể phát triển y tế địa phương. 80% tài trợ thông qua các dự án lớn do Bộ Y tế quản lý, còn lại là từ các dự án PCPNN, Bộ Y tế còn thiếu thông tin về nhóm dự án này. Việc thông tin định kỳ và đầy đủ về các dự án VTNN tại địa phương là có ích và cần thiết để kêu gọi và điều phối viện trợ nước ngoài trong lĩnh vực y tế. Bộ Y tế cần tăng cường thu thập thông tin VTNN sẵn có ở các địa phương, nhất là về các dự án PCPNN, từ cơ quan quản lý dự án các tỉnh, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh, và từ các nhà tài trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng ODA; Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ Ban hành Quy chế Quản lý và Sử dụng viện trợ PCPNNi; Quyết định số 286/2006/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Chương trình Quốc gia xúc tiến vận động viện trợ PCPNN 2006 - 2010
2. Quyết định số 340-TTg ngày 24/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động của các Tổ chức Phi Chính phủ nước ngoài ở Việt Nam
3. Bộ Y tế - Chương trình Hợp tác y tế Việt Nam Thụy Điển: Bảng thống kê các chương trình/dự án triển khai trong ngành y tế giai đoạn 2001 – 2005
4. Đánh giá giữa kỳ tình hình thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA thời kỳ 2006 – 2010. Bản tin ODA số 32 – 31/5/2009. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5. Quản lý Nhà nước về ODA; Tổng quan ODA ở Việt Nam 15 năm 1993 – 2008 Trang tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
6. Trang tin điện tử Liên hiệp Các tổ chức Hữu nghị Việt Nam
7. Niên giám thống kê y tế năm 2007, 2008, 2009, Bộ Y tế
8. Cổng thông tin điện tử các tỉnh Yên Bái, Thanh Hóa, Phú Yên